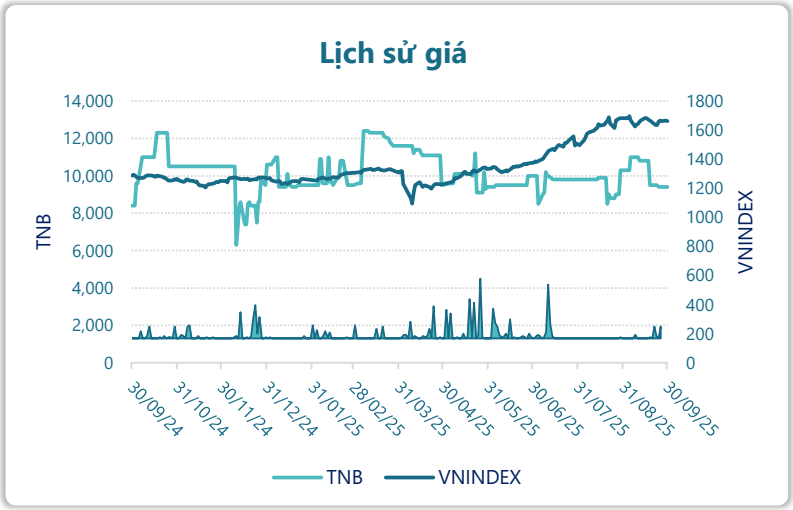
FireAnt

CTCP Thép Nhà Bè - VNSTEEL (UPCOM: TNB)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,300
SL cổ phiếu LH	29,428,877
KLGD BQ 20 phiên (CP)	115
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	277
P/E	27.7
EPS	340

DT thuần

Q3/25

505

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 66.0| 15.1%

YoY: ▲ 225| 80.5%

LN sau thuế

Q3/25

0.97

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.18| -54.9%

YoY: ▲ 6.91| 116%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.8%

+/- YoY: ▲ 2.1%

DT thuần

9T 2025

1,279

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 335| 35.6%

LN sau thuế

9T 2025

3.19

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.06| 165%

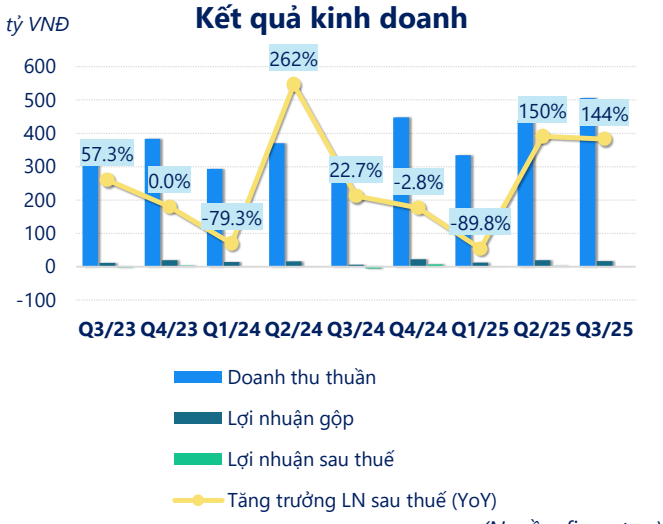
ROE

Q3/25

3.9%

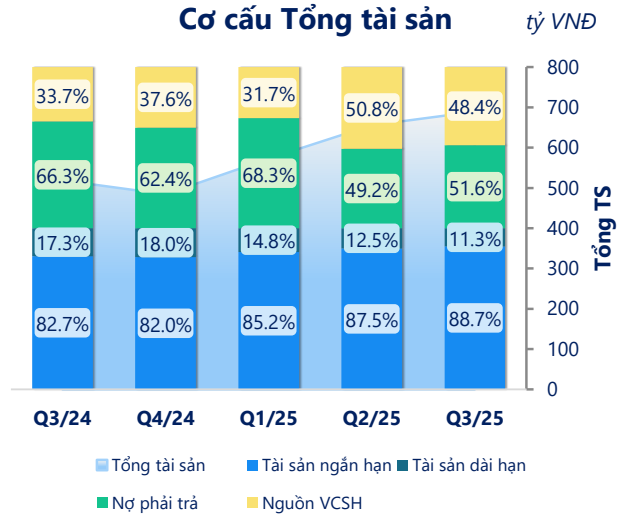
+/- YoY: ▲ 5.0%

Kết quả kinh doanh



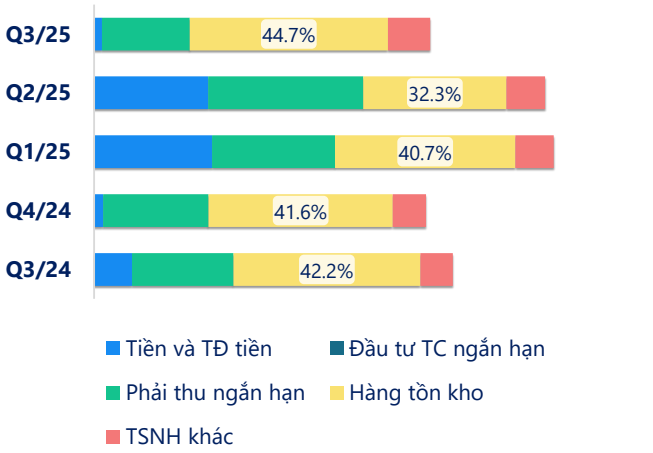
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



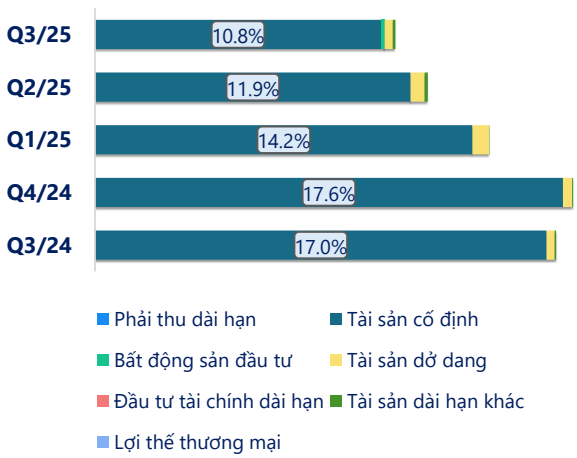
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



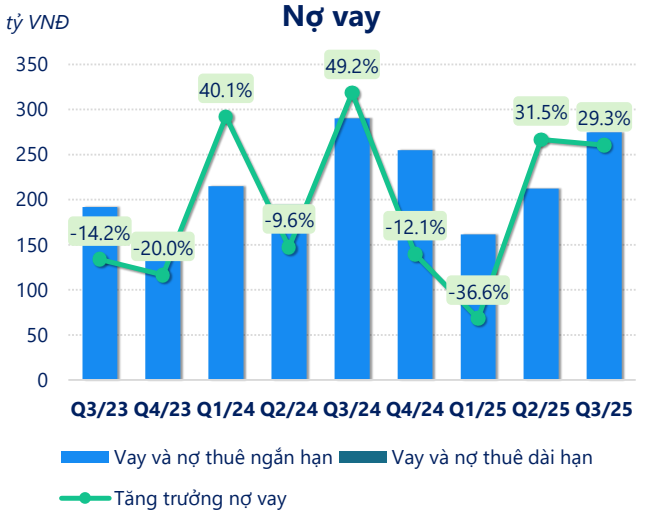
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



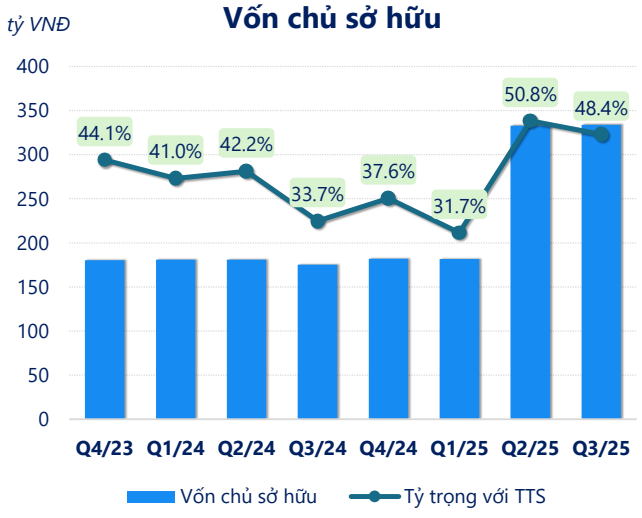
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



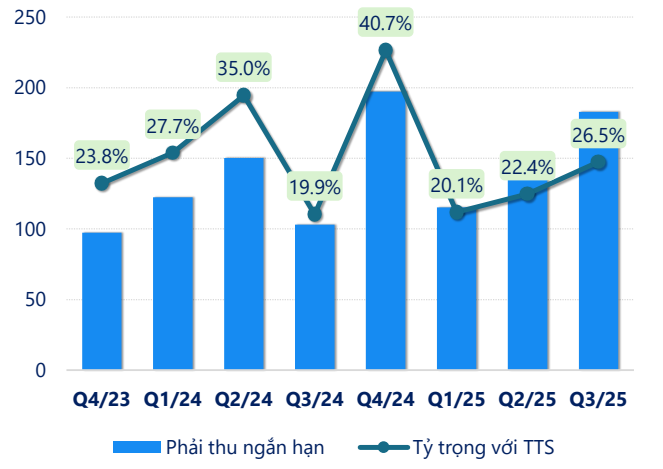
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



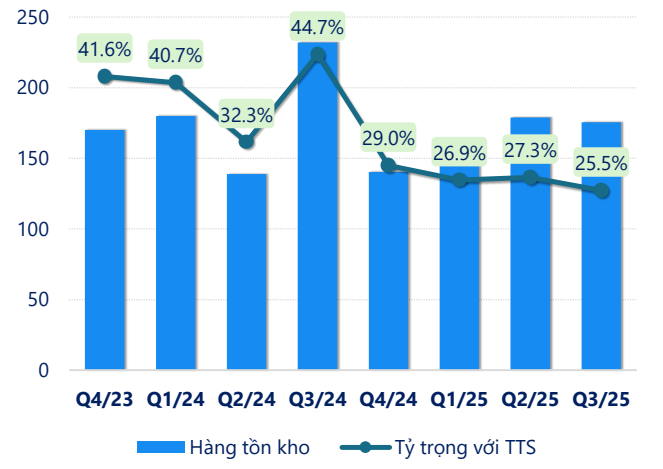
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



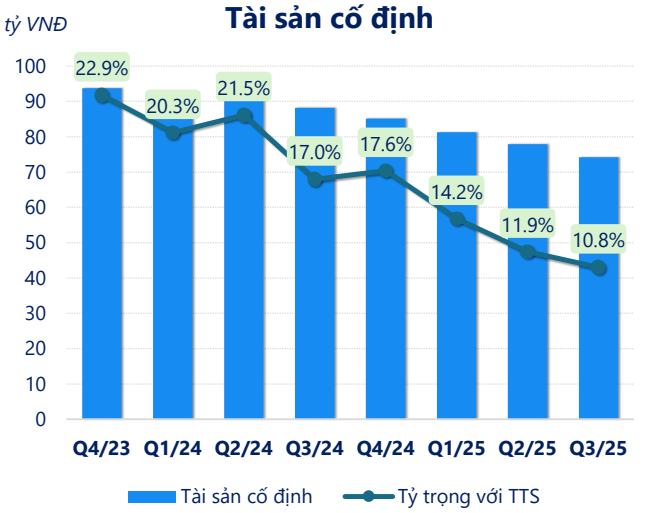
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



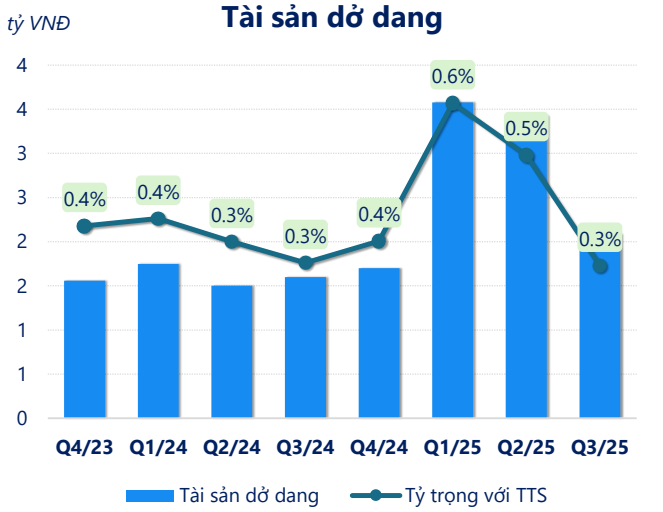
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



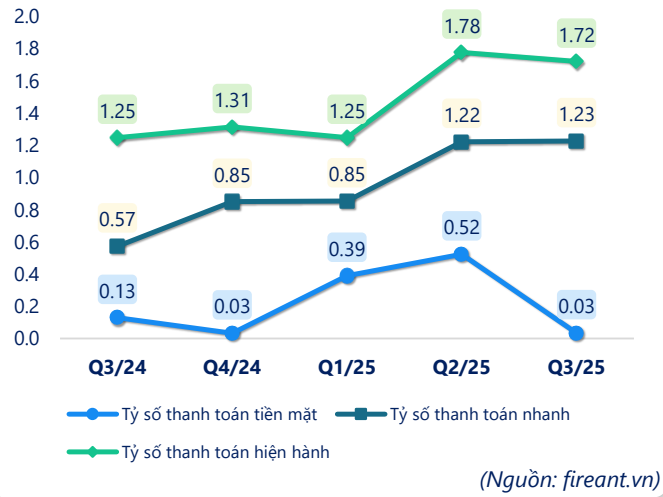
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



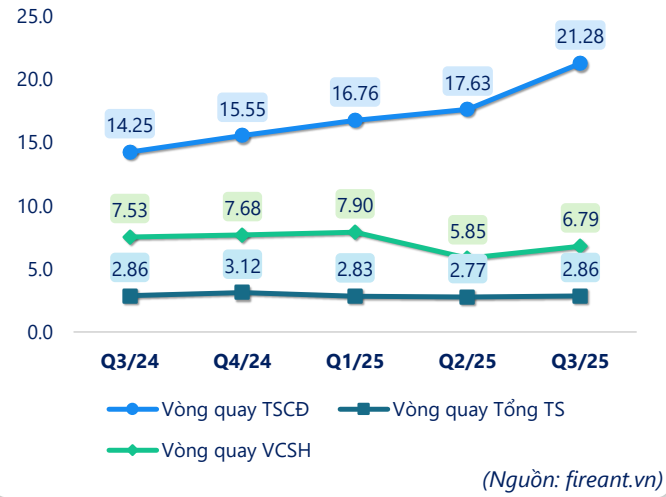
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**519**	**484**	**573**	**656**	**689**
Tài sản ngắn hạn	**429**	**397**	**488**	**574**	**611**
Tiền và tương đương tiền	44.3	9.82	153	169	12.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	150
Phải thu ngắn hạn	103	197	115	147	183
Hàng tồn kho	232	140	154	179	175
Tài sản ngắn hạn khác	49.6	49.7	65.7	78.6	90.8
Tài sản dài hạn	**90.0**	**87.0**	**84.9**	**82.1**	**77.9**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	88.2	85.2	81.3	77.9	74.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0.93
Tài sản dở dang	1.60	1.70	3.58	3.42	2.09
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.25	0.15	0.06	0.81	0.70
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**344**	**302**	**391**	**323**	**355**
Nợ ngắn hạn	**344**	**302**	**391**	**323**	**355**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	290	255	162	212	275
Phải trả người bán ngắn hạn	43.5	32.4	66.3	89.1	56.0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**175**	**182**	**182**	**333**	**334**
Vốn chủ sở hữu	**175**	**182**	**182**	**333**	**334**
Vốn điều lệ	145	145	145	294	294
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)